

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2019/HNGĐ - ST.

Ngày: 09/10/2019.

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quốc Khánh;

2. Bà Khuất Thị Minh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đoàn Hạnh Trang – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Phòng xxx, Chung cư xx Hùng Vương, phường x, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trương Văn L, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ x, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trương Văn L xây dựng gia đình với nhau tháng 9/2017, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đến ngày 23/02/2018 thì vợ chồng đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 6/2018 thì chị T sinh con đầu lòng, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân khi sinh con chị T về nhà chồng sống thì giữa hai bên thường xuyên bất đồng quan điểm về việc chăm sóc con. Gia đình anh L lại can thiệp sâu vào cuộc sống vợ chồng anh chị nên gây cho chị T rất nhiều áp lực, anh L lại hay đi làm xa và không quan tâm, thông cảm cho chị T mà còn giải quyết mọi việc theo ý mình. Sau khi nghỉ chế độ thai sản, chị T đi làm lại thì gia đình chồng lại có những lời nói không hay về chị nên mâu thuẫn nặng nề hơn và chị T đã về nhà bố mẹ sống từ đầu năm 2019 đến nay. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị T xác định có một con chung là Trương Gia P, sinh ngày 06/6/2018. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Trương Văn L: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên, anh L đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng do anh L vắng mặt nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T. Về con chung đề nghị giao con chung cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L không

phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, anh Trương Văn L vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt anh L theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trương Văn L xây dựng gia đình với nhau năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 23/02/2018 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và đã tự sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Tại phiên tòa, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng cải thiện do mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài nên chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh L. Còn anh L vắng mặt và không có ý kiến trình bày về các vấn đề giải quyết trong vụ án. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh L chủ yếu phát sinh từ việc không thống nhất trong việc chăm sóc con và bất đồng trong cách sống giữa chị T đối với gia đình anh L. Hai bên lại không thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống mà có những lời lẽ xúc phạm nhau. Khi mâu thuẫn phát sinh, hai bên không ngồi lại tìm cách cải thiện, giải quyết mà lại tự sống ly thân và quá trình giải quyết Tòa án cũng tạo điều kiện cho các bên hòa giải mâu thuẫn nhưng anh L đều vắng mặt, chứng tỏ chị T và anh L không có thiện chí để cải thiện quan hệ vợ chồng và không còn sự quan tâm gì đến nhau. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T và anh L được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung:* Chị T và anh L có một con chung là Trương Gia P, sinh ngày 06/6/2018. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Còn anh L

không có ý kiến trình bày gì về con chung. Xét thấy, từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến nay chị T là người trực tiếp chăm sóc cháu P và hiện nay cháu Phúc chưa được 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc, gần gũi của mẹ nhiều. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần tiếp tục giao con cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Nếu sau này anh L có yêu cầu nuôi con và có yêu cầu khởi kiện thì sẽ được xem xét sau.

Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh L không có văn bản trình bày yêu cầu liên quan đến tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định anh chị có tài sản chung, nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[5] *Về án phí*: Buộc chị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T, xử cho chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trương Văn L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Trương Gia P, sinh ngày 06/6/2018 cho chị Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trương Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Thanh T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001140 ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/10/2019) nguyên đơn có quyền kháng cáo. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy